TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Th□ ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Văn Hữu L**, sinh năm 1988
Địa chỉ: Tổ 13, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

2. Đồng bị đơn: - Bà **Trần Thị B**, sinh năm 1979
- Ông **Hồng T**, sinh năm 1977
Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, anh L và ông T có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020 của nguyên đơn Văn Hữu L, bản tự khai của các đương sự, nội dung phiên hòa giải ngày 03/12/2020, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Vào năm 2019, vợ chồng ông Hồng T và bà Trần Thị B có vay và mượn tiền của anh Văn Hữu L cụ thể như sau:

- Tiền vay: Vào ngày 24/02/2019 dương lịch, ông Hồng T và bà Trần Thị B có vay của anh Văn Hữu L số tiền vay gốc là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, nếu quá 10 ngày không đóng lãi thì đưa ra pháp luật. Khi vay tiền thì ông Hồng T và bà Trần Thị B có giao cho anh Văn Hữu L bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 339746 để làm tin.

Từ ngày 24/02/2019 đến 24/11/2019, ông Hồng T và bà Trần Thị B có trả cho anh Văn Hữu L số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng là 48.600.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Tiền mượn là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) gồm:

+ Ngày 24/02/2019 dương lịch, ông Hồng T và bà Trần Thị B mượn của anh Văn Hữu L số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không tính lãi suất và xin góp một ngày 50.000 đồng.

+ Ngày 19/11/2019 dương lịch, ông Hồng T và bà Trần Thị B mượn của anh Văn Hữu L số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), không tính lãi suất và xin góp một ngày 50.000 đồng.

Sau đó, ông Hồng T và bà Trần Thị B có trả cho anh Văn Hữu L được 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) tiền mượn, còn nợ lại 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền mượn cho đến nay.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020, anh Văn Hữu L yêu cầu ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh L số tiền vay gốc và số tiền mượn tổng cộng là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng, thời gian tính tiền lãi được tính kể từ ngày 24/12/2019 cho đến khi vụ án được giải quyết, trả một lần.

Tại phiên hòa giải ngày 03/12/2020, anh Văn Hữu L yêu cầu ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh L số tiền vay gốc và số tiền mượn tổng cộng là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng với lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính tiền lãi được tính kể từ ngày 24/12/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, trả một lần.

Ông Hồng T và bà Trần Thị B thừa nhận lời trình bày của anh Văn Hữu L về việc ông, bà có vay của anh L số tiền vay gốc là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), có mượn của anh Văn Hữu L 02 lần với tổng số tiền là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) và có trả cho anh L số tiền mượn là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), có trả cho anh L số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng là 48.600.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) là đúng; thừa nhận hiện nay ông, bà còn nợ anh Văn Hữu L số tiền vay và số tiền mượn gốc là 281.500.000 đồng. Ông T và bà B xin trả dần số tiền vay và số tiền mượn gốc là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh L bằng cách mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin được miễn tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng do gia đình gặp khó khăn về kinh tế.

Tại phiên tòa,

Anh Văn Hữu L yêu cầu ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh L số tiền vay gốc và số tiền mượn tổng cộng là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) và số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng với lãi suất là 20%/năm, thời gian tính tiền lãi được tính kể từ

ngày 25/11/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, làm tròn là 13 tháng, trả một lần.

Ông Hồng T tự nguyện đồng ý với ý kiến của anh L về thời gian tính tiền lãi mà ông T và bà Trần Thị B còn thiếu anh L là từ ngày 25/11/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, làm tròn là 13 tháng; yêu cầu Tòa án cho ông T và bà B được trả dần số tiền vay và số tiền mượn gốc là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh L bằng cách mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, được miễn tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng từ ngày 25/11/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử do gia đình ông T và bà B gặp khó khăn về kinh tế.

Anh Văn Hữu L và ông Hồng T tự nguyện yêu cầu Tòa án không xem xét về số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng mà ông T, bà B đã trả cho anh L trước kia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền vay, tiền mượn nên anh Văn Hữu L khởi kiện ông Hồng T và bà Trần Thị B tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành vào ngày 26/3/2020; ông Hồng T và bà Trần Thị B có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh K. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt bà Trần Thị B tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-DS, ngày 04/12/2020 cho bà Trần Thị B theo quy định của pháp luật, bà Trần Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 03/12/2020 (BL 58), đ- ợc sự thống nhất của anh Văn Hữu L, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Văn Hữu L:

Tại phiên tòa, ông Hồng T vẫn tự nguyện thừa nhận là ông T và bà Trần Thị B có vay của anh Văn Hữu L số tiền vay gốc là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 24/02/2019 dương lịch, có mượn của anh Văn Hữu L 02 lần với tổng số tiền là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) vào các ngày 24/02/2019 dương lịch, 19/11/2019 dương lịch và có trả cho anh L số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng từ ngày 24/02/2019 dương lịch đến 24/11/2019 dương lịch là 48.600.000đ (Bốn mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng), có trả cho anh L số tiền mượn là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), hiện nay ông T và bà B còn nợ anh Văn Hữu L số tiền vay và số tiền mượn gốc là 281.500.000đ (Hai

trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng); ông T tự nguyện đồng ý với ý kiến của anh L về thời gian tính tiền lãi mà ông T và bà B còn thiếu anh L là từ ngày 25/11/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử, làm tròn là 13 tháng; yêu cầu Tòa án cho ông T và bà B được trả dần số tiền vay và số tiền mượn gốc là 281.500.000đ (Hai trăm tám mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) cho anh L bằng cách mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, được miễn tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng từ ngày 25/11/2019 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử do gia đình ông T và bà B gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên, anh L vẫn giữ yêu cầu nêu trên.

Xét rằng:

Tại bản tự khai ngày 17/11/2020, phiên hòa giải ngày 03/12/2020, bà Trần Thị B cũng có lời trình bày và yêu cầu như ý kiến của ông Hồng T.

Về số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng mà ông T, bà B đã trả cho anh L từ ngày 24/02/2019 đến 24/11/2019 là 48.600.000 đồng: Các đương sự tự nguyện yêu cầu Tòa án không xem xét nên Tòa án không xem xét.

Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để buộc ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Văn Hữu L số tiền vay gốc là 270.000.000 đồng, số tiền mượn còn lại là 11.500.000 đồng và số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng từ ngày 25/11/2019 dương lịch đến ngày 30/12/2020 dương lịch (tính tròn là 13 tháng) được tính như sau:

[(270.000.000 đồng x 20%) : 12 tháng] x 13 tháng = 58.500.000đ (Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng số tiền vay, mượn gốc và số tiền lãi mà ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh L là: 270.000.000 đồng + 11.500.000 đồng + 58.500.000 đồng = 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Việc các đương sự thanh toán số tiền nêu trên nh- thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn Hữu L.

[2] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 340.000.000 đồng x 5% = 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Anh Văn Hữu L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Văn Hữu L đã nộp là 7.038.000đ (Bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002329, ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Văn Hữu L số tiền vay gốc của ngày 24/02/2019 dương lịch là 270.000.000 đồng, số tiền mượn còn lại là 11.500.000 đồng và số tiền lãi của số tiền vay gốc 270.000.000 đồng từ ngày 25/11/2019 dương lịch đến ngày 30/12/2020 dương lịch (tính tròn là 13 tháng) là 58.500.000 đồng, tổng cộng là 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc ông Hồng T và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Anh Văn Hữu L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Văn Hữu L đã nộp là 7.038.000đ (Bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002329, ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2020), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng